

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ PHÁP LUẬT VÀ VIỆC TĂNG CƯỜNG PHÁP CHẾ XHCN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Nguyễn Năng Nam¹

TÓM TẮT

Tư tưởng Hồ Chí Minh về pháp luật là kết quả của sự kế thừa có chọn lọc và phát triển tinh hoa văn hóa pháp lý của dân tộc và nhân loại vào thực tiễn Việt Nam; có vai trò hết sức quan trọng trong quản lý Nhà nước và xã hội; đây là một nền pháp luật dân chủ, vì con người, gắn liền với đạo đức, mang tính dân tộc và cần có các điều kiện đảm bảo để thực hiện. Bài viết làm rõ một số vấn đề về các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và một số nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về pháp luật, đưa ra quan điểm về vận dụng tư tưởng này trong sự nghiệp đổi mới hiện nay ở nước ta nhằm tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Từ khóa: Pháp luật, pháp chế xã hội chủ nghĩa, dân chủ, nhân văn, con người.

ABSTRACT

Ho Chi Minh thoughts on laws are results of selective inheritance and development of human cultural quintessence in the Vietnamese situation. They play an important part in state and social management, showing democracy closely attaching to morality and nationalism. They need conditions to be implemented. The article mentions some matters on factors affecting the establishment and basic contents of Ho Chi Minh thoughts and also put forward the viewpoint on the application of the thoughts in the present reform process of Vietnam in order to enhance socialist legal system.

Keywords: Laws, socialist legal system, democracy, humanity and human.

1. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ PHÁP LUẬT

Trên cơ sở tiếp thu tinh hoa văn hóa chính trị - pháp lý của dân tộc và nhân loại, đứng vững trên lập trường giai cấp công nhân, Hồ Chí Minh đã sớm nhận thức sâu sắc, toàn diện về giá trị xã hội của pháp luật, tìm thấy ở pháp luật vai trò là công cụ quản lý của Nhà nước và công cụ của từng cá nhân để bảo vệ, bảo đảm tự do, công bằng, dân chủ, bình đẳng nam-nữ và bình đẳng xã hội: “Phép luật (pháp luật) là phép luật của nhân dân, dùng để ngăn cản những hành động có hại cho nhân dân, để bảo vệ

lợi ích chung của đại đa số nhân dân”². Quan điểm về pháp luật của Người luôn mang tính dân tộc và nhân loại, thể hiện tư duy pháp lý - chính trị rất độc đáo, tạo lập phong cách riêng và chứa đựng nhiều nhân tố mới về Nhà nước pháp quyền.

Xã hội dân chủ pháp quyền, theo Người, đó là xã hội của những công dân có ý thức và lối sống phù hợp đạo đức, tuân thủ pháp luật; nguyên tắc và mục tiêu chung của nền pháp luật và đạo đức đó là phục vụ con người, vì những giá trị nhân văn, tinh thần, vật chất của cuộc sống con người. Chính vì thế, ngay sau khi cách mạng Tháng Tám thành công, ngày

¹ Phòng Chính trị, Học viện Khoa học Quân sự, TP. Hà Nội.

² Hồ Chí Minh. Toàn tập, tập 7, Nxb CTQG, Hà Nội, 2000, tr.453.

03/9/1945, trong phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ Lâm thời, Hồ Chí Minh đã nêu lên nhiệm vụ quan trọng là phải tổ chức Tổng tuyển cử bầu Quốc hội, lập ra một Hiến pháp dân chủ nhằm ghi nhận địa vị pháp lý của nhân dân, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ Nhà nước cách mạng và thể hiện vị trí làm chủ của nhân dân trong chế độ mới. Người nói: “Trước chúng ta đã bị chế độ quân chủ chuyên chế cai trị, rồi đến chế độ thực dân không kém phần chuyên chế, nên nước ta không có hiến pháp. Nhân dân ta không được hưởng quyền tự do dân chủ. Chúng ta phải có một hiến pháp dân chủ”³. “Hiến pháp dân chủ” trong tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh còn đòi hỏi dân chủ phải là điều kiện để cho sự ra đời của một bản Hiến pháp. Các yếu tố độc lập, chủ quyền của đất nước là các điều kiện cần nhưng chưa đủ để có một “hiến pháp dân chủ”. Điều kiện đủ để có một “hiến pháp dân chủ” đó chính là một chế độ dân chủ.

Hiến pháp dân chủ ra đời từ nhận thức sâu sắc của Nguyễn Ái Quốc về thân phận của người dân sống trong Nhà nước quân chủ chuyên chế và trong Nhà nước thực dân xâm lược. Ở đó, không có Hiến pháp nên không có Hiến định về quyền con người, quyền công dân, không có các định chế về Hiến pháp, về tổ chức quyền lực Nhà nước để ràng buộc và đề cao trách nhiệm của Nhà nước trong mối quan hệ với việc thực thi quyền con người, quyền công dân. Đồng thời, xuất phát từ đạo lý được thừa nhận chung, như một giá trị tiến bộ của nhân loại là: “*Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc*” và “Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có

quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”⁴. Như vậy, quyền con người không chỉ là quyền của cá nhân con người mà còn là quyền độc lập, quyền tự quyết của một dân tộc.

Tư tưởng về một “Hiến pháp dân chủ” được thể hiện xuyên suốt trong toàn bộ Hiến pháp năm 1946. Nét nổi bật nhất là tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân với một chính thể dân chủ rộng rãi, một bộ máy Nhà nước mạnh mẽ và sáng suốt, đề cao và tôn trọng quyền con người, quyền công dân. Hiến pháp và dân chủ là hai yếu tố không tách rời nhau. “Hiến pháp dân chủ” phải là một bản Hiến pháp có nội dung và cách thức ban hành dân chủ. Đồng thời là phương tiện để cho nhân dân được hưởng quyền tự do dân chủ. Ngược lại, dân chủ là điều kiện cần và đủ cho một bản “Hiến pháp dân chủ” ra đời, tồn tại và phát huy giá trị. Đến Hiến pháp năm 1959 đã thể hiện rõ nét hơn khi khẳng định: “Tất cả nhân viên cơ quan nhà nước đều phải... tuân theo Hiến pháp và pháp luật...; Nhà nước chiều theo pháp luật bảo hộ quyền sở hữu về đất đai... về tư liệu sản xuất... của nông dân, người lao động riêng lẻ, tư sản dân tộc; công dân có nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp, pháp luật, kỷ luật lao động, trật tự công cộng và những quy tắc sinh hoạt công cộng”.

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, *pháp luật có tính dân tộc*. Ngay từ khi ra đi tìm đường cứu nước, Người đã có định hướng cho một kiểu hiến chính dân tộc, dân chủ ở Việt Nam, theo kiểu Việt Nam. Tại Điều 1 Hiến pháp năm 1946 quy định: “Nước Việt Nam là một nước dân chủ cộng hòa. Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo”. Để đảm bảo nguyên tắc tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân, điều cần thiết là cơ quan quyền lực của Nhà nước

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.4, tr.8.

⁴ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.4, tr.1.

phải được nhân dân bầu ra một cách tiến bộ và dân chủ, thực hiện chế độ phổ thông đầu phiếu. Người viết: “Ở nước ta chính quyền là của nhân dân, do *nhân dân làm chủ*... Trong các cuộc bầu cử, công dân Việt Nam từ 18 tuổi trở lên, không phân biệt gái trai, tôn giáo, mức tài sản, trình độ văn hóa, không phân biệt giống nòi đều có quyền tham gia. Đó là một cách rất hợp lý để nhân dân lao động được thực hiện quyền thống trị của mình”⁵. Chế độ phổ thông đầu phiếu là một chế độ bầu cử dân chủ nhưng không phải bất kỳ một Nhà nước non trẻ nào cũng mạnh dạn áp dụng (đặc biệt là trong điều kiện khó khăn “ngân cân treo sợi tóc” như Nhà nước ta sau cách mạng Tháng Tám). Tin tưởng vào ý thức giác ngộ cách mạng và sức mạnh vô địch của quần chúng nhân dân, Người chỉ ra rằng: “Về mặt chính trị thì nhân dân dùng lá phiếu mà chống với quân địch. Một lá phiếu cũng có sức mạnh như một viên đạn”⁶.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, *dân chủ và pháp luật phải luôn gắn bó chặt chẽ với nhau*. Mọi quyền dân chủ của người dân phải được thể chế bằng Hiến pháp và pháp luật. Pháp luật phải bảo đảm trong thực tế các quyền tự do, dân chủ của nhân dân, đồng thời, bảo vệ nhân dân khi các quyền dân chủ của họ bị xâm phạm, đó là dân chủ trong khuôn khổ pháp luật và đạo đức. Bởi, “Pháp luật của ta là pháp luật thật sự dân chủ, vì nó bảo vệ quyền tự do, dân chủ rộng rãi cho nhân dân lao động”⁷. Tính dân chủ của pháp luật còn được thể hiện ngay trong quá trình soạn thảo pháp luật. Sự ra đời của Hiến pháp năm 1946 và 1959 là những cuộc vận động dân chủ sâu sắc, trong bài *Diễn văn khai mạc phiên họp đầu tiên của Ban sửa đổi Hiến pháp* (27-2-

1957), Người nói: “Bản Hiến pháp chúng ta thảo ra sẽ là một bản Hiến pháp... phản ánh đúng đắn con đường đang tiến lên của dân tộc ta. Nó sẽ là một bản Hiến pháp của một nước dân chủ nhân dân tiến dần lên chủ nghĩa xã hội... bảo đảm được các quyền tự do dân chủ cho các tầng lớp nhân dân, trên cơ sở công nông liên minh và do giai cấp công nhân lãnh đạo. Nó phải thật sự bảo đảm nam nữ bình quyền và dân tộc bình đẳng... chẳng những phải tiêu biểu được các nguyện vọng của nhân dân miền Bắc, mà còn phải là một mục tiêu phấn đấu cho đồng bào miền Nam... Sau khi thảo xong, chúng ta cần phải trung cầu ý kiến của nhân dân cả nước một cách thật rộng rãi. Có như thế bản Hiến pháp của chúng ta mới thật sự là một bản Hiến pháp của nhân dân, của chế độ dân chủ”⁸. Điều đó cho thấy, cơ sở và nội dung của pháp luật là phải dựa vào lực lượng nhân dân, ý chí của đông đảo các tầng lớp nhân dân lao động và như thế, trí tuệ của toàn dân tộc được kết tinh, phát huy làm cho pháp luật đó có tính khoa học, bám sát thực tế, tránh được những sai sót chủ quan và lạc hậu, tụt hậu. Mặt khác, ý chí của nhân dân được thể hiện trong luật thì ý thức tôn trọng pháp luật cũng được nâng cao, trật tự xã hội được duy trì.

Xây dựng Hiến pháp mới *phải vì con người*. Trong bản “Yêu sách của nhân dân An Nam” gửi tới Hội nghị Véc-xây, Người đã đấu tranh đòi phải: “Cải cách nền pháp lý ở Đông Dương bằng cách cho người bản xứ cũng được quyền hưởng những *đảm bảo về mặt pháp luật* như người Âu châu; *xóa bỏ hoàn toàn* các tòa án đặc biệt dùng làm công cụ để khủng bố và áp bức bộ phận trung thực nhất trong nhân dân An Nam;... *Thay chế độ ra các sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật*”⁹. Trong *Tuyên*

⁵ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.7, tr.218.

⁶ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.145.

⁷ Hồ Chí Minh: *Nhà nước và Pháp luật*, Nxb Pháp lý, Hà Nội, 1985, tr.85.

⁸ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.8, tr.322-323.

⁹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.435-436.

ngôn độc lập năm 1945 Người khẳng định: “Tất cả các dân tộc trên thế giới sinh ra đều bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”. Điều này cho thấy, quyền con người gắn bó với quyền quốc gia, dân tộc và bao hàm cả quyền làm người: được ăn, mặc, ở, đi lại để tồn tại, được học tập, tự do cá nhân. Hiếp pháp, pháp luật phải phản ánh và thể hiện được ý chí, nguyện vọng và lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động, dùng để ngăn cản những hành động có hại cho nhân dân, để bảo vệ lợi ích chung của đại đa số nhân dân. Do đó, trong việc xây dựng hệ thống pháp luật, Người rất chú trọng tính nhân văn: do con người và vì con người, giải quyết mối quan hệ giữa người với người, giữa người với công việc trên nền tảng có lý, có tình.

Đạo đức và pháp luật có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Hồ Chí Minh khẳng định: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa”¹⁰. Thực hiện pháp luật là nghĩa vụ của tất cả các cá nhân, tổ chức và phải xử lý thật nghiêm khắc đối với các biểu hiện vi phạm lợi ích của nhân dân, của Tổ quốc. Nếu cán bộ, công chức mà vi phạm pháp luật thì càng phải xử lý nghiêm minh. Người chủ trương lấy giáo dục đạo đức, pháp luật làm chính và coi trọng chất lượng của Hiến pháp, pháp luật.

Trong hệ thống những quan điểm về đạo đức của Hồ Chí Minh đã thể hiện mối quan hệ giữa nghĩa vụ và quyền lợi - lợi ích, cách giải quyết hài hòa giữa lợi ích cá nhân và xã hội, lợi ích chung và lợi ích riêng. Đây cũng là một trong những nội dung cơ bản của phạm trù đạo đức - nghĩa

vụ và quyền lợi, tức là về mối quan hệ giữa hai vấn đề: cống hiến và hưởng thụ. Do đó, Người đã xác định trách nhiệm của Nhà nước là phải thường xuyên chăm lo đến quyền lợi chính đáng của nhân dân: nếu dân đói, rét, ốm, không đủ ăn, không đủ mặc thì Đảng và Chính phủ có lỗi; thì mọi đường lối chính sách của Đảng và Chính phủ dù có hay đến mấy cũng không thực hiện được.

Để pháp luật được thực thi, Người cho rằng *trước hết*, pháp luật phải đầy đủ, chính xác; *thứ hai*, pháp luật phải đến được với người dân, làm cho dân hiểu rõ pháp luật để sống và làm theo pháp luật. Theo Hồ Chí Minh, một Nhà nước vững mạnh, có hiệu lực phải là một Nhà nước làm cho mọi người dân biết sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; mặt khác Nhà nước đó “phải dựa vào nhân dân, liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự kiểm soát của nhân dân”; *thứ ba*, người thi hành pháp luật phải công tâm, minh bạch, nghiêm minh, bảo vệ pháp luật, không để lợi ích cá nhân làm mờ mắt mà làm sai pháp luật, “phải nêu cao cái gương “phụng công, thủ pháp, chí công vô tư” cho nhân dân noi theo”. Đây là những tiêu chuẩn làm nên bản chất mới của cán bộ tư pháp, suy rộng ra là của cả nền tư pháp mới, do đó, người cán bộ tư pháp phải công bằng, không được lẫn lộn giữa công và tội, có công thì được thưởng, có lỗi thì phải phạt và không vì công mà quên lỗi, không vì lỗi mà quên công. Và Người quan niệm: Công tác tư pháp suy cho cùng là ở đời và làm người. Cho nên, cán bộ tư pháp “có trách nhiệm phải góp phần làm cho luật pháp của ta tốt hơn, càng ngày càng phong phú hơn. Phải cố gắng làm cho luật pháp dân chủ ngày càng nhiều hơn, tốt hơn,... Phải gần dân, hiểu dân, giúp dân, học dân. Giúp dân, học dân để giúp mình thêm liêm khiết, thêm công

¹⁰ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.3, tr.431.

bằng. Thêm nữa là phải luôn luôn cố gắng học tập lý luận, học tập đường lối chính sách của Chính phủ,... Tóm lại, các chú phải công bằng, liêm khiết, trong sạch, gần dân, hiểu dân, giúp dân, học dân"¹¹.

Ngoài ra, theo tư tưởng Hồ Chí Minh, xây dựng pháp luật phải xuất phát từ thực tiễn, phù hợp với thực tiễn, tiếp thu có chọn lọc những giá trị của các di sản pháp lý mà nhân loại đó tạo ra nhằm phục vụ cho mục tiêu phát triển của chế độ xã hội. Muốn vậy phải nghiên cứu kỹ lưỡng tình hình thực tiễn, kế thừa, phát huy những thành tựu đã đạt được, học hỏi tiếp thu những kinh nghiệm của các nước kể cả các nước có chế độ chính trị khác với chúng ta nhưng họ đã có những thành tựu điển hình trong xây dựng pháp luật. Đây chính là sự phát huy kế thừa những thành tựu của nhân loại đó đạt được trong hoạt động lập pháp.

2. THỰC TRẠNG Ý THỨC CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT VÀ HỆ THỐNG PHÁP LUẬT Ở NƯỚC TA

Hiện nay ở Việt Nam, cùng với sự phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và dân chủ hóa đời sống xã hội, Nhà nước đã từng bước chuyển sang thực hiện chức năng định hướng, bảo trợ, tạo lập môi trường và điều kiện thuận lợi cho người dân được tự do phát triển sản xuất kinh doanh, tổ chức cuộc sống, đồng thời, từng bước ngăn chặn, hạn chế những mặt tiêu cực của cơ chế thị trường, bảo đảm công bằng xã hội, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, hệ thống pháp luật từng bước được hoàn thiện, ý thức chấp hành pháp luật của nhân dân và các cơ quan nhà nước ngày càng được nâng cao,... Tuy nhiên, bên cạnh đó, chúng ta lại chưa xây dựng, phát triển được các thể chế luật pháp và xã hội, chưa kết hợp chặt chẽ được hai yếu tố pháp luật và đạo đức trong xây dựng Nhà nước pháp quyền và quản lý xã hội để

bảo đảm cho các tầng lớp nhân dân, các cơ quan công quyền cùng thực hiện nghiêm minh pháp luật, bảo vệ và phát huy các giá trị đạo đức. Luật ban hành nhiều nhưng chưa đủ, thiếu đồng bộ, chưa bao quát được mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Cho đến nay, chúng ta đã bước đầu xây dựng được khung pháp lý để Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật; nhưng lại chưa xây dựng, phát triển được các thể chế luật pháp và xã hội, để bảo đảm cho các tầng lớp nhân dân và các cơ quan công quyền cùng thực hiện nghiêm minh pháp luật. Do đó, năng lực cũng như cơ chế kiểm tra, giám sát tính hợp hiến, hợp pháp trong hoạt động và quyết định của các cơ quan công quyền còn yếu kém và còn tồn tại không ít khoảng trống,... chính điều đó đã trở thành một trong những lý do để cho tình trạng suy thoái về đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, nhân dân còn tồn tại. Ý thức tôn trọng pháp luật của một số cơ quan và công chức Nhà nước chưa cao. Nhiều hiện tượng vi phạm pháp luật không phải do kém hiểu biết mà nguyên nhân chính là coi thường pháp luật. Chẳng hạn có địa phương vi quyền lợi của mình mà đặt ra những qui định mang tính cát cứ gây cản trở cho việc thực thi pháp luật, trong khi chúng ta chưa có cơ chế kiểm soát hữu hiệu đối với mọi hoạt động của các cơ quan công quyền.

Mặt khác, do quan niệm của một bộ phận nhân dân chưa nhận thức được đầy đủ và đúng đắn tính tối thượng của pháp luật trong điều chỉnh các quan hệ xã hội nên ít sử dụng quyền pháp luật hoặc chưa tự giác thi hành nghĩa vụ pháp luật. Các đoàn thể nhân dân, các hội chưa phát huy đầy đủ chức năng đại diện cho lợi ích của quần chúng nhân dân và hội viên của mình. Một số tổ chức đoàn thể nhân dân, hội còn mang tính hình thức, hoạt động kém hiệu quả, chưa đáp ứng được nguyện vọng và lợi ích của đoàn viên, hội viên, hoặc có

¹¹ Tạ Tự Bình, Chu tịch Hồ Chí Minh với ngành tư pháp Việt Nam, Công thông tin điện tử Bộ Tư pháp (www.moj.gov.vn)

biểu hiện trông chờ vào sự tài trợ của Nhà nước; “hành chính hóa” về mặt tổ chức và hoạt động. Do đó, khả năng thu hút quần chúng của các tổ chức này còn hạn chế; việc tham gia cung cấp dịch vụ công chưa được triển khai đúng với tôn chỉ và mục đích, thậm chí có trường hợp chạy theo lợi nhuận kinh tế đơn thuần.

Nguyên nhân của sự yếu kém

Thứ nhất, hệ thống pháp luật còn trong thời kỳ đổi mới nên chưa hoàn thiện và ổn định về các chuẩn mực và cách tác động. Hệ thống pháp luật hiện vẫn còn thiếu tính toàn diện, đồng bộ. Khung pháp luật thiếu toàn diện, một số lĩnh vực quan trọng về kinh tế thị trường, an sinh xã hội, quốc phòng và an ninh quốc gia chưa có văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh cụ thể. Chất lượng văn bản này chưa cao, nhiều quy định pháp luật không rõ ràng, thiếu ổn định, công tác hệ thống hóa pháp luật không được tiến hành thường xuyên gây khó khăn cho việc tiếp cận, nhận thức và thực hiện pháp luật. *Thứ hai*, chế độ trách nhiệm cá nhân chưa được đề cao trong các hoạt động pháp lý thực tiễn, một số ít công chức, viên chức Nhà nước khi thi hành công vụ lại ứng xử tựa như coi quyền lực có từ chính mình hoặc gia đình mình. *Thứ ba*, trạng thái môi trường pháp chế chưa nghiêm. Hiện tượng vượt rào pháp luật vẫn xảy ra, tình trạng coi thường các quyết định áp dụng pháp luật vẫn còn, bản án và các quyết định của Nhà nước đã phát sinh hiệu lực nhưng vẫn không được thi hành nghiêm chỉnh,... Tình hình này không những làm giảm hiệu lực các văn bản áp dụng pháp luật mà còn gây mất niềm tin của nhân dân, làm giảm sự nhiệt tình đầu tư của các nhà doanh nghiệp trong và ngoài nước. *Thứ tư*, các hoạt động giáo dục, tuyên truyền và phổ biến pháp luật chưa đáp ứng nhu cầu đặt ra. Việc tuyên truyền phổ biến pháp luật còn

hình thức nên pháp luật ít đến với người dân và khó đi vào thực tiễn. Mặc dù giáo dục pháp luật đã được đưa vào giảng dạy ở các trường phổ thông nhưng còn hạn chế về nội dung, thiếu sự sinh động trong cấu trúc chương trình và phương pháp giảng dạy. Ngoài ra, hệ thống các tổ chức tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý ở nước ta chưa đủ mạnh, chưa thật sự trở thành chỗ dựa để hỗ trợ các loại chủ thể trong quá trình bảo vệ quyền, lợi ích và thực hiện các giao dịch pháp lý có tính quốc tế. Trên thực tế, hoạt động của đoàn luật sư, Hội luật gia, các trung tâm tư vấn chuyên môn (tư vấn về hôn nhân, gia đình; bất động sản; vốn; đầu tư; bảo đảm các giao dịch pháp lý...) hoạt động còn manh mún, thiếu kinh nghiệm, chưa đủ sức giải quyết mọi yêu cầu của lộ trình hội nhập trên tất cả các lĩnh vực.

3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CƠ BẢN NHẪM TĂNG CƯỜNG PHÁP CHẾ XHCN Ở VIỆT NAM THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ PHÁP LUẬT

Tư tưởng Hồ Chí Minh về pháp luật có ý nghĩa quan trọng cả về mặt lý luận và thực tiễn. Việc kế thừa và vận dụng tư tưởng đó của Người vào sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay là một nhu cầu tất yếu và lâu dài, nhằm tiếp tục thực hiện chủ trương của Đảng là: “Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật, trước hết là quy trình xây dựng luật, pháp lệnh; luật, pháp lệnh cần quy định cụ thể, tăng tính khả thi để đưa nhanh vào cuộc sống”¹². Để thực hiện được điều này, theo tư tưởng pháp luật Hồ Chí Minh, chúng ta cần thực hiện tốt hệ thống các giải pháp sau:

Một là, xây dựng tinh thần thượng tôn pháp luật, “sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật” cho mọi công dân trong xã hội, quản lý xã hội bằng pháp luật trên tinh thần “Trăm điều phải có thần linh pháp quyền”¹³.

¹² Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb CTQG-ST, Hà Nội, 2011, tr.248.

¹³ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.1, tr.438.

Pháp luật không chỉ là thước đo các mối quan hệ xã hội, mà còn có vai trò đặc biệt quan trọng đối với Nhà nước. Mọi hành vi, hoạt động của Nhà nước phải được chi phối, chỉ đạo bởi pháp luật. Pháp luật là phương tiện ghi nhận về mặt pháp lý trách nhiệm của Nhà nước đối với xã hội và công dân, là phương tiện quản lý hữu hiệu đối với mọi mặt của đời sống xã hội cũng như để Nhà nước tự hoàn thiện chính bản thân mình. Nói cách khác, để thực hiện được sự quản lý, điều hành xã hội, Nhà nước phải dựa vào pháp luật và thông qua pháp luật, môi trường pháp chế phải bao trùm mọi mặt, mọi lĩnh vực đời sống xã hội. Pháp chế được tăng cường sẽ tạo nên trật tự xã hội ổn định, phát huy được hiệu lực pháp lý của Nhà nước, làm cho bộ máy Nhà nước vận hành đúng quỹ đạo. Do đó, phải đảm bảo cho pháp luật giữ vị trí tối thượng trong việc điều chỉnh các quan hệ thuộc các lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội. Pháp luật trở thành chuẩn mực cao nhất xác định hành vi của mỗi cá nhân, tại Hội nghị tư pháp toàn quốc tháng 3/1957, Hồ Chí Minh nói: “Trong giai đoạn hiện nay của cách mạng thì phải thực hiện chế độ pháp trị, và “nhiệm vụ của Tư pháp (hiểu theo nghĩa rộng là pháp lý) là thực hiện chế độ pháp trị”. Vì thế, phải làm cho pháp luật thấm sâu vào trong đời sống xã hội, trở thành văn hóa ứng xử của mỗi công dân trong xã hội. Pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do quần chúng nhân dân xây dựng nên, thể hiện ý chí, nguyện vọng và quyền lợi của họ; do đó tôn trọng pháp luật cũng chính là tôn trọng nhân dân và phát huy dân chủ.

Hai là, nâng cao hiệu quả việc bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

Để bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của văn bản dưới luật, pháp lệnh đối với hệ thống pháp luật là vấn đề lớn, đòi hỏi sự quan tâm, nỗ lực của từng cơ quan cũng như sự phối hợp đồng bộ từ cơ quan xây dựng, soạn thảo,

thẩm định ban hành cho đến cơ quan kiểm tra, giám sát, rà soát văn bản quy phạm pháp luật. Do đó cần phải hoàn thiện và bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật, tăng cường năng lực và hiệu quả hoạt động các chủ thể trực tiếp tham gia vào quy trình xây dựng, ban hành, giám sát, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật. Trong đó, cần tập trung vào việc tiếp tục đơn giản hoá hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, tạo thuận lợi cho việc bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật, làm cho hệ thống pháp luật dễ tiếp cận, thuận lợi cho công tác thi hành và áp dụng pháp luật, đồng thời, tạo điều kiện cho việc xác định rõ trật tự hiệu lực pháp lý của văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và phù hợp với thông lệ lập pháp quốc tế. Nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của văn bản quy phạm pháp luật và trách nhiệm của lãnh đạo các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong việc bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

Ba là, xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật phải xuất phát từ thực tiễn Việt Nam, kế thừa các giá trị pháp lý truyền thống, tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của các nước.

Trong quá trình xây dựng pháp luật, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng phải nghiên cứu kỹ tình hình thực tiễn, phải nghiên cứu lại Hiến pháp 1946, tìm hiểu Hiến pháp của các nước anh em và của một số nước tư bản có tính chất điển hình. Xây dựng pháp luật là hoạt động mang tính sáng tạo, chỉ trên cơ sở kế thừa, phát triển các giá trị pháp lý truyền thống, tiếp thu và vận dụng kinh nghiệm của các nước vào thực tiễn cụ thể thì mới có được các đạo luật có tính khả thi cao. Thực tiễn xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật ở nước ta trong những năm qua cho thấy nhà làm luật đã cố gắng kế thừa phát triển những giá trị pháp lý truyền thống, tìm tòi

học hỏi kinh nghiệm của các nước và vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh thực tế của nước ta. Kết quả là sự ra đời của hệ thống các bộ luật hiện hành.

Bốn là, phát huy vai trò của các cơ quan tổ chức, các đoàn thể quần chúng và của toàn thể nhân dân trong xây dựng pháp luật.

Với tư cách là người đứng đầu Đảng, đứng đầu Nhà nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng vai trò của nhân dân trong sự nghiệp cách mạng, nhân dân là chủ thể của quyền lực Nhà nước: “Chính quyền từ xã đến Chính phủ Trung ương đều do dân cử ra. Đoàn thể từ Trung ương đến xã đều do dân tổ chức nên. Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”¹⁴. Vì thế, Người luôn chú trọng tạo mọi điều kiện tốt nhất để nhân dân tham gia vào mọi hoạt động của Nhà nước nói chung và hoạt động lập pháp nói riêng. Trong báo cáo công tác của ban sửa đổi Hiến pháp tại Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hòa khóa I kỳ họp thứ 8, Người nhấn mạnh: “Nhờ sự cố gắng của Ban thư ký và sự tận tụy của anh chị em cán bộ, chúng tôi đã hoàn thành bước đầu bản sơ thảo Hiến pháp sửa đổi. Sau khóa họp Quốc hội này, chúng tôi sẽ chuyển sang bước thứ hai là *Trung cầu ý kiến của nhân dân*, mà trước tiên là ý kiến của các chính đảng, các đoàn thể nhân dân và các cơ quan”¹⁵.

Thực tiễn xây dựng hệ thống pháp luật của chúng ta trong những năm vừa qua đã chú trọng nguyên tắc này. Các dự án luật, đặc biệt là các dự án quan trọng tác động đến số đông tầng lớp nhân dân ảnh hưởng lớn đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội đều được tổ chức lấy ý kiến rộng rãi của các cơ quan tổ chức, các đoàn thể quần chúng và các tầng lớp nhân dân. Việc tham gia đóng góp ý kiến của nhân dân vào các

dự án luật không chỉ có ý nghĩa đơn thuần về mặt lập pháp mà còn có ý nghĩa giáo dục pháp luật sâu rộng nhất, thông qua hoạt động này nhân dân tìm hiểu nghiên cứu pháp luật nâng cao ý thức pháp luật từ đó tự giác thực hiện pháp luật. Ý kiến của nhân dân tham gia đóng góp vào các dự án luật là biện pháp tốt nhất huy động mọi nguồn lực xã hội vào hoạt động lập pháp vừa đảm bảo tính dân chủ trong xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Năm là, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, thực hiện nguyên tắc “mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật”.

Một trong những mục tiêu của sự nghiệp cách mạng mà chúng ta đang tiến hành là đem lại sự bình đẳng xã hội, trong đó trước hết và cơ bản là bình đẳng trước pháp luật. Vì vậy, sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đề cao nguyên tắc mọi người bình đẳng trước pháp luật về quyền lợi và nghĩa vụ, cả khi vi phạm pháp luật đều xử lý một cách vô tư, khách quan và công bằng, trong bài *Đông Dương và Triều Tiên*, viết trên *Báo Le Populaire*, ngày 4-9-1919, Người khẳng định: “về mặt pháp luật đều bình đẳng và đều được hưởng những quyền hạn ngang nhau, không phân biệt là người nước nào...”. Nói rộng ra, cần tránh sự lẫn lộn giữa công và tư, việc thường phạt phải nghiêm minh, công bằng, “không vì công mà quên lỗi, vì lỗi mà quên công”, hoặc “thường có khi quá rộng mà phạt thì không nghiêm”. Do đó, “Pháp luật phải thẳng tay trừng trị những kẻ bất liêm, bất kỳ kẻ ấy ở địa vị nào, làm nghề nghiệp gì”¹⁶. Điều này thể hiện tính nghiêm minh, rõ ràng và dứt khoát của pháp luật.

4. KẾT LUẬN

Sự thống trị của pháp luật trong đời sống chính trị - xã hội của một đất nước

¹⁴ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr.698.

¹⁵ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.9, tr.159.

¹⁶ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr.641

là đặc điểm cơ bản và quan trọng nhất của Nhà nước pháp quyền. Đó là Nhà nước tự đặt mình dưới luật, hoạt động trong khuôn khổ hiến pháp, pháp luật, tuân thủ các đạo luật do mình thông qua. Như vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm nhận thấy tầm quan trọng tối thượng của một Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật nhưng phải là pháp luật dân chủ, thể hiện ý chí, nguyện vọng

và lợi ích chính đáng của nhân dân lao động, là cơ sở pháp lý để xây dựng Nhà nước phục vụ nhân dân, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, thể hiện vai trò xác định mối quan hệ bình đẳng giữa Nhà nước với công dân,... có như vậy nó mới trở thành một phương tiện để xây dựng và củng cố Nhà nước pháp quyền.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chí Công. *Pháp quyền nhân nghĩa Hồ Chí Minh*, Báo Pháp luật Việt Nam, ngày 19/5/2005.
2. Vũ Đình Hoè (2001). *Pháp quyền nhân nghĩa Hồ Chí Minh*. Nxb Văn hoá Thông tin - Trung tâm văn hoá ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội.
3. Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Viện Nhà nước và Pháp luật (2009). *Tư tưởng Hồ Chí Minh về pháp luật, pháp chế và sự vận dụng trong xây dựng nhà nước pháp quyền Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
4. Hoàng Thị Kim Quế. *Một số đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh về pháp luật*. Tạp chí Dân chủ và pháp luật. Bộ Tư pháp, Số 5/2005, tr.15 - 21.
5. Trần Nghị. *Nghiên cứu, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về pháp luật đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân ở nước ta*. Tạp chí Nhà nước và pháp luật, Số 12/2009, tr.3 - 5.
6. Nguyễn Duy Quý, Nguyễn Tất Viễn (Chủ biên-2008). *Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của dân, do dân, vì dân - lý luận và thực tiễn*. Nxb CTQG, Hà Nội.
7. Trịnh Đức Thảo (chủ biên-2009). *Tư tưởng Hồ Chí Minh về pháp luật, pháp chế và sự vận dụng trong xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị-Hành chính, Hà Nội.
8. Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh Viện Nhà nước và Pháp luật (2009). *Tư tưởng Hồ Chí Minh về pháp luật, pháp chế và sự vận dụng trong xây dựng nhà nước pháp quyền Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.

(Ngày nhận bài: 31/10/2012; Ngày chấp nhận đăng: 19/02/2013).